TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **54**/2025/DS-ST
Ngày: 17-9-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Minh;

2. Ông Nguyễn Lê Bảo Trúc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra; Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14-An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - An Giang tham gia phiên toà: Bà Trầm Ngọc Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 357/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 229/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng C.** Trụ sở: Số A, phố L, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội xã C thuộc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh C (theo Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh 1956; số CMND: 350987689; nơi cư trú: Ấp T, xã C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị L1, sinh năm 1995; số CMND: không; nơi cư trú: ấp T, xã C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội trình bày:*

Ngày 20/12/2011, bà Huỳnh Thị L2 và bà Lê Thị L1 vay của Ngân hàng C (do Ngân hàng C xã hội phòng giao dịch huyện C ký hợp đồng), số tiền 8.000.000đồng (Tám triệu đồng), nhằm mục đích mua vật liệu xây dựng nhà, thời hạn vay là 10 năm, lãi suất cho vay trong hạn là 03%/năm, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất cho vay, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 20/3/2021. Tính đến ngày 17/9/2025 lãi phát sinh tổng cộng là 3.300.822đ; hộ bà Huỳnh Thị L2 đã trả được 1.004.775đ lãi, đối với số nợ gốc vẫn còn 8.000.000đ.

Ngân hàng C yêu cầu bà Huỳnh Thị L2 và bà Lê Thị L1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền nợ gốc 8.000.000 đồng và tiền lãi tính tới ngày 17/9/2025 là 2.296.047đ; đồng thời, yêu cầu thanh toán thêm lãi phát sinh đến khi thanh toán xong. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

** Bị đơn bà Huỳnh Thị L2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị L3:* Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không giao nộp tài liệu chứng cứ. Qua chứng cứ thu thập được thể hiện: Bà Huỳnh Thị L2 , bà Lê Thị L1 có nơi cư trú tại tổ D, ấp T, xã T, huyện T, An Giang (nay là tổ D, ấp T, xã C, An Giang) nhưng thường xuyên không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt để đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị L2 , bà Lê Thị L1 đều vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - An Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm nghĩa vụ.

Ngân hàng C khởi kiện là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Huỳnh Thị L2 và bà Lê Thị L1 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 8.000.000đ nợ gốc, 2.296.047đ nợ lãi tính tới ngày 17/9/2025, tiếp tục phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng từ ngày 18/9/2025 cho đến khi trả xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị L2 trả tiền vay nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng

dân sự. Bà Huỳnh Thị Lệ cư T1 tại xã C, tỉnh An Giang, không thông báo thay đổi nơi cư trú cho Ngân hàng Chính sách xã hội nên Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Huỳnh Thị L2 và bà Lê Thị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[1.3] Bà Huỳnh Thị L2 và bà Lê Thị L1 không đưa ra chứng cứ, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[1.4] Ngân hàng C được thành lập bởi Quyết định số 131 ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ; bộ máy và nguồn vốn hoạt động được bảo đảm bởi ngân sách Nhà nước. Vì vậy, các khoản vay của Ngân hàng C xã hội thuộc tài sản của Nhà nước nên khi xảy ra tranh chấp không thuộc trường hợp phải tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 206 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; đồng thời thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Tại Sổ vay vốn mã KH 57.27.050757, Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, do Ngân hàng C cung cấp thể hiện: Ngày 20/12/2011, bà Huỳnh Thị L2 vay của Ngân hàng C do Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C thuộc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh C số tiền 8.000.000đồng (Tám triệu đồng), lãi suất 03%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi vay, mục đích vay mua vật tư xây cất nhà, thời hạn vay 10 năm, hạn trả cuối cùng ngày 20/12/2021. Như vậy, giữa Ngân hàng C với bà Huỳnh Thị L2 có xác lập hợp đồng tín dụng.

[2.2] Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Bà Huỳnh Thị L2 đã vay của Ngân hàng C số tiền 8.000.000đ. Ngân hàng C với bà Huỳnh Thị L2 thỏa thuận kỳ trả nợ 12 tháng/lần, số tiền trả nợ 1.600.000đ/lần, hạn trả cuối cùng ngày 20/12/2021. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Huỳnh Thị L2 chỉ trả được 1.004.775đ tiền lãi, còn nợ 8.000.000đ nợ gốc. Bà Huỳnh Thị L2 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận cho Ngân hàng C. Ngân hàng C yêu cầu bà Huỳnh Thị L2 phải trả 8.000.000đ nợ gốc đã vay là có căn cứ. Vì vậy, bà Huỳnh Thị L2 phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc đã vay 8.000.000đ.

[2.3] Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định trường hợp vay có lãi mà

khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn chưa trả; Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Ngân hàng C với bà Huỳnh Thị L2 thỏa thuận lãi suất trong hạn là lãi suất 03%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn. Theo Bảng tính lãi khách hàng vay vốn, tính đến ngày 17/9/2025, bà Huỳnh Thị L2 còn nợ 2.296.047đ tiền lãi. Đến hạn trả nợ nhưng bà Huỳnh Thị L2 không trả đầy đủ tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn cho Ngân hàng C. Vì vậy, bà Huỳnh Thị L2 phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội 2.296.047đ tiền lãi tính tới ngày 17/9/2025 và phải lãi quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn từ ngày 18/9/2025 đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[2.4] Tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 06/9/2011, bà Huỳnh Thị L2 trình bày mục đích vay là để mua vật tư xây dựng nhà, có chữ ký của bà Lê Thị L1. Như vậy, số tiền bà Huỳnh Thị L2 vay là để sử dụng vào mục đích chung. Bà Lê Thị L1 biết và đồng ý để bà Huỳnh Thị L2 thực hiện vay tiền. Căn cứ Điều 101, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, bà Huỳnh Thị L2, bà Lê Thị L1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả tiền cho Ngân hàng C.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L2, bà Lê Thị L1 bị buộc phải trả tiền cho Ngân hàng C nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các Điều 101, 103, 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

X ử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc bà Huỳnh Thị L2 và bà Lê Thị L1 cùng phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C xã hội 8.000.000đ tiền nợ gốc và 2.296.047đ tiền lãi; tổng số tiền phải trả là **10.296.047đ** (Mười triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn không trăm bốn mươi bảy đồng).

- Bà Huỳnh Thị L2, bà Lê Thị L1 tiếp tục phải trả lãi trên nợ gốc 8.000.000đ cho Ngân hàng C, theo mức lãi suất quá hạn là 3,9%/năm, kể từ ngày 18/9/2025 đến ngày thực hiện nghĩa vụ trả nợ xong.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L2, bà Lê Thị L1 phải chịu chung 514.800đ (Năm trăm mười bốn ngàn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của các đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời

hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 14-An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Lưu VP; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hoàng Huy Hùng